

Bản án số: 27/2020/HS-ST

Ngày: 03 -11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Huệ

Ông Đào Minh Phần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 09/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HS ngày 21/10/2020 đối với bị cáo:

PHẠM THỊ Q (tên gọi khác: Quét), sinh năm 1978 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn P, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T, sinh năm 1936 và bà Mai Thị Đ, sinh năm 1940; chồng, con: Không có; anh, chị em ruột: có 09 người, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2020, hiện đang tại ngoại tại địa phương (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Thanh L, sinh năm 1984 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (*ông Long có mặt*).

- Bị hại: Bà Lê Thị Như M, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn P, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*bà M có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 02/7/2020, Phạm Thị Q đi đến nhà bà Lê Thị Như M ở cùng thôn Phương Cự 2 để gặp mẹ ruột bà M hỏi việc riêng. Khi đến nhà bà M thì Q không gặp, mà chỉ có cháu Huỳnh Văn Qu là con bà M đang nằm bấm điện thoại trên phòng khách. Q có hỏi cháu Qu: “bà ngoại đi đâu rồi”, cháu Qu trả

lời: “bà ngoại đi đâu không biết”. Q nhìn xuống bếp thấy trên bàn có chôm chôm và côm, thì Q xin cháu Qu cục côm và được cháu Qu đồng ý; Q tới lấy côm và đứng ăn gần cửa bếp. Q nhìn sang tủ đựng chén thấy có mì tôm để trong xoong nhôm đặt dưới cùng tủ chén, Q bước tới bê xoong nhôm ra và nói xin cháu Qu mì thì cháu Qu đã chạy đi đâu và từ lúc nào Q không biết. Q lấy các vật dụng để trong xoong ra thì phát hiện có 01 cái ví, nhận thấy ví có tiền thì Q nảy sinh ý định lấy trộm; nên đã lấy ví bỏ vào túi áo khoác của mình và bỏ các vật dụng còn lại vào xoong, đặt vào tủ chén như ban đầu rồi đi về nhà lấy tiền trong ví giấu trong túi áo khoác và ném cái ví vào bao rác nhà hàng xóm, rồi đi làm việc nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Q lấy tiền lấy trộm được ra đếm thấy có 32 tờ tiền Việt Nam có mệnh giá mỗi tờ là 500.000 đồng, tổng số tiền là 16.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bà M kiểm tra phát hiện bị mất tài sản nên đã hỏi cháu Qu, rồi đến Công an xã Ph trình báo. Chiều ngày 03/7/2020 Cơ quan điều tra mời Q lên làm việc, Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, giao nộp lại số tiền 16.000.000 đồng và chỉ nơi vớt chiếc ví để cơ quan điều tra thu giữ.

Bà Lê Thị Như M cho biết mình bị mất 23.000.000 đồng (tất cả tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng) và 03 chiếc nhẫn vàng (gồm 01 nhẫn vàng y 01 chỉ, 02 nhẫn vàng tây 1,5 phân và 4,5 phân); nhưng không có các chứng cứ thể hiện mình đã cất giấu số tiền và vàng nêu trên, nên cơ quan điều tra chỉ kết luận bà M bị mất 16.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại Lê Thị Như M 01 chiếc ví da sọc caro màu đen đỏ xám, có kích thước (11,5 x 8,5 x 2,5) cm, bên trong có 01 túi giấy nhỏ (loại dùng để đựng vàng) bên ngoài có in dòng chữ “Công ty TNHH Kinh doanh vàng H, địa chỉ: số X, Ninh Hải, Ninh Thuận; 32 tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, tổng là 16.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Như M yêu cầu Phạm Thị Q phải trả lại số tiền 23.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn vàng (gồm 01 nhẫn vàng y 01 chỉ, 02 nhẫn vàng tây 1,5 phân và 4,5 phân).

Bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSNH ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Phạm Thị Q để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Q từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Như M yêu cầu Phạm Thị Q phải trả lại số tiền còn lại là 7.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn vàng (gồm 01 nhẫn vàng y 01 chỉ, 02 nhẫn vàng tây 1,5 phân và 4,5 phân); nhưng không có chứng cứ thể hiện mình đã cất giấu số tiền và vàng nêu trên. Bị cáo Q chỉ thừa nhận lấy và đã trả lại số tiền 16.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị hại M.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ và đã trả cho bị hại Lê Thị Như M 01 chiếc ví da sọc caro màu đen đỏ xám, có kích thước (11,5 x 8,5 x 2,5) cm, bên trong có 01 túi giấy nhỏ (loại dùng để đựng vàng) bên ngoài có in dòng

chữ “Công ty TNHH Kinh doanh vàng Hồng Hiệp, địa chỉ: số 08 Cây Da, Ninh Hải, Ninh Thuận; 32 tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, tổng là 16.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Về tội danh, khung hình phạt thống nhất như Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo có ông nội là người có công với nước là các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, bị cáo là lao động chính còn phải nuôi cha mẹ già (mẹ bị mù) có xác nhận của chính Q địa phương, hành vi phạm tội chỉ mang tính bộc phát. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là cải tạo không giam giữ thì cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Như M cho rằng mình bị mất số tiền 23.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn vàng (01 nhẫn vàng y, 02 nhẫn vàng tây) là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận như Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo Phạm Thị Q không có ý kiến tranh luận.

Bị hại Lê Thị Như M có ý kiến tranh luận: Yêu cầu bị cáo Phạm Thị Q phải trả số tiền còn lại là 7.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng y 01 chỉ và 02 nhẫn vàng tây (một chiếc 4,5 phân, một chiếc 1,5 phân) đã lấy trộm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo chỉ lấy trộm số tiền 16.000.000 đồng, đã trả lại cho bị hại; bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và vật chứng được thu giữ, cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 02/7/2020 tại nhà bà Lê Thị Như M ở thôn Phương Cựu 2, xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, Phạm Thị Q đã có hành vi trộm cắp của bà Lê Thị Như M 01 chiếc ví da sọc caro màu đen đỏ xám, có kích thước (11,5 x 8,5 x 2,5) cm; bên trong ví có 01 túi giấy nhỏ (loại dùng để đựng vàng) bên ngoài có in dòng chữ “Công ty TNHH Kinh doanh vàng Hồng Hiệp, địa chỉ: số 08 Cây Da, Ninh Hải, Ninh Thuận và 32 tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng; tổng số tiền là 16.000.000 đồng.

[3] Bị hại bà Lê Thị Như M cho rằng mình bị mất số tiền là 23.000.000 đồng (gồm 46 tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng) và 03 chiếc nhẫn vàng (gồm 01 nhẫn vàng y 01 chỉ, 02 nhẫn vàng tây 1,5 phân và 4,5 phân); nhưng không có chứng cứ thể hiện mình đã cất giấu số tiền và vàng nêu trên. Bị cáo Q chỉ thừa nhận lấy số tiền 16.000.000 đồng; ngoài ra không có chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của bà M, nên Cơ quan điều tra chỉ kết luận bà M bị mất số tiền 16.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét hành vi của bị cáo Phạm Thị Q là cố ý, lén lút lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, đã chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm; nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi phạm tội của mình gây ra. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến Q tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, bất bình trong quần chúng tại địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có ông nội tên Phạm X là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[8] Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính đang sinh sống cùng và thường xuyên phải chăm sóc cha mẹ già (mẹ bị mù); nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà nên áp dụng với bị cáo hình phạt tù có điều kiện cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương; đồng thời thể hiện chính sách pháp luật Hình sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước đối với người biết ăn năn, hối cải.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Như M yêu cầu bị cáo Phạm Thị Q phải trả số tiền 23.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn vàng (gồm 01 nhẫn vàng y 01 chỉ, 02 nhẫn vàng tây 1,5 phân và 4,5 phân); như đã phân tích tại mục [3] chỉ

có căn cứ chấp nhận đối với số tiền 16.000.000 đồng, bị hại M đã nhận lại số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 7.000.000 đồng, 01 nhẫn vàng y 01 chỉ, 02 nhẫn vàng tây (một chiếc 4,5 phân, một chiếc 1,5 phân), bị hại M yêu cầu là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ và đã trả cho bị hại Lê Thị Như M 01 chiếc ví da sọc caro màu đen đỏ xám, có kích thước (11,5 x 8,5 x 2,5) cm, bên trong có 01 túi giấy nhỏ (loại dùng để đựng vàng) bên ngoài có in dòng chữ “Công ty TNHH Kinh doanh vàng H, địa chỉ: số X, Ninh Hải, Ninh Thuận; 32 tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, tổng là 16.000.000 đồng, phù hợp theo qui định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt là cải tạo không giam giữ là chưa đủ tính răn đe, nên không được chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Q thuộc hộ cận nghèo, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Q 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/11/2020).

Giao bị cáo Phạm Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính Q địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về phần trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự không chấp nhận yêu cầu của bị hại Lê Thị Như M về việc yêu cầu bị cáo Phạm Thị Q trả số tiền 7.000.000 đồng, 01 nhẫn vàng y 01 chỉ, 02 nhẫn vàng tây (một chiếc 4,5 phân, một chiếc 1,5 phân).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Thị Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Q kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/11/2020).

(Đã giải thích án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Công an huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Thi hành án phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Ph;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghiêm